TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 25- 03 -2020
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Duy Năm và Bà Đỗ Thị Hằng**
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06 /2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa:
- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn Hiệp K, xã T, huyện Đ, tỉnh Thanh H
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Hữu M , sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn Đồng B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh H
Chị H, anh M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày giữa chị và bị đơn là anh Nguyễn Hữu M đăng ký kết hôn ngày 21/5/2019 tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly

thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị H trình bày, vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau tên cháu là Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 19/11/2019. Hiện tại cháu đang sống cùng chị. Ly hôn nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và phần nợ: Về tài sản chung và nợ chung : không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị H trình bày khi cưới bố mẹ đẻ của chị có cho riêng chị 08 chỉ vàng 9999 trị giá 29.000.000đ, hiện tại anh Mh đang giữ. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án buộc anh M trả lại cho chị Hạnh số vàng trên bằng tiền là 29.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu M trình bày việc đăng ký kết hôn như chị H trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh M cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Anh M trình bày vợ, chồng anh chị có một con chung, hiện nay cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Khi cưới bố mẹ chị H có cho riêng chị Hh 8 chỉ vàng 9999 trị giá 29.000.000đ, hiện tại anh M đang giữ. Anh M đồng ý trả cho chị H số vàng trên bằng tiền là 29.000.000đ, nhưng hiện tại anh M chưa có tiền để trả cho chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; Điều 43; Điều 59; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự ; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị H ly hôn anh M; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 19/11/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản riêng Buộc anh M phải trả cho chị H 29.000.000đ là số tiền trị giá của 08 chỉ vàng 9999 tài sản riêng của chị H.

Về án phí: Chị H, anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh M không đến Tòa án, không có lý do; Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Anh Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu M đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh M cũng mong muốn được giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị H thì thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung với nhau tên cháu là Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 19/11/2019. Hiện tại cháu đang sống cùng chị H. Ly hôn chị H, anh M đều thỏa thuận giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, Chị H anh, M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Việc thỏa thuận của vợ chồng anh, chị phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị H và anh M.

[4].Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng: Hiện nay anh M đang giữ số tài sản riêng của chị H là 08 chỉ vàng 9999, chị yêu cầu anh M phải trả lại chị 08 chỉ vàng bốn 9999 trị giá 29.000.000đ (hai chín triệu đồng) cho chị. Anh M cũng thống nhất việc trả lại số tiền trên, nhưng không thống nhất được thời gian trả tiền cho chị H.

Xét yêu cầu giải quyết về tài sản riêng của H là hoàn toàn đúng pháp luật, vì vậy có cơ sở để buộc anh M phải trả lại cho chị H số tiền 29.000.000đ.

*[5]. Về án phí***:** Chị H và anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 43; khoảng 4 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 19/11/2019 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh M không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chị H không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu H1, thì anh M có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Tài sản riêng: Buộc anh M phải trả cho chị Hạnh 29.000.000đ là số tiền trị giá của 08 chỉ vàng 9999 tài sản riêng của chị H.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh M không thanh toán đầy đủ cho chị số tiền nêu trên thì phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2018/0003812 ngày 10 tháng 01 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn, chị Hạnh đã nộp đủ. Trả lại số tiền 875.000đ (tám trăm bảy lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0003813 ngày 10/01/2020 cho chị Nguyễn Thị H.

Anh Nguyễn Hữu Mphải nộp án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn đối với phần tài sản có tranh chấp là 1.450.000đ (một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho anh, chị được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký	đã ký
Trần Duy Năm Đỗ Thị Hằng	**Lê Thị Thủy**

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Đồng Tiến*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy